

**BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN (SAVICO)**

ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ	
	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐIỀU LỆ ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ		
Điều 1: Định nghĩa	1.1.2 “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	1.1.2 “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. 1.1.3 “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019. <i>Lưu ý: Số của các điểm thuộc điều khoản này sẽ cập nhật tương ứng.</i>
	1.1.3 “Vốn điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.	1.1.4. Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
	1.1.4 “Cổ phần có quyền biểu quyết” là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề được nêu ra tại Đại hội đồng cổ đông.	1.1.5 “Cổ phần có quyền biểu quyết” là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
	1.1.5 “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	1.1.6 “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
	1.1.7 “Cán bộ quản lý” là Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	1.1.8 “Cán bộ quản lý” là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. <i>Lưu ý: Điều chỉnh thuật ngữ tương ứng trong những điều khoản còn lại</i>
		Bổ sung nội dung cụ thể như sau: 1.1.9. “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

	<p>1.1.8. “Những người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào sau đây:</p> <p>a) Công ty mẹ của Công ty, người quản lý công ty mẹ của Công ty và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó;</p> <p>b) Công ty con của Công ty;</p> <p>c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;</p> <p>d) Người quản lý Công ty;</p> <p>đ) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty hoặc của nhân viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;</p> <p>e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;</p> <p>g) Doanh nghiệp trong đó những người, Công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;</p> <p>h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.</p>	<p>1.1.10 “Những người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p>
	<p>1.1.10 “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần Công ty.</p>	<p>1.1.11 “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần Công ty.</p>
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY		
<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>2.4 Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>2.6 Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p>	<p>2.4 Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. <i>Lưu ý: Điều chỉnh thuật ngữ tương ứng trong những điều khoản còn lại</i></p> <p>2.6 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 2.7 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ tính bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY		

<p>Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty</p>		<p>Bổ sung khoản 3.3 về ngành nghề kinh doanh của Công ty</p>
<p>Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p>	<p>4.2 Công ty có thể tiến hành những ngành nghề kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không hạn chế và được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định</p>	<p>4.2 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.</p>
<p>CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</p>		
<p>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, cổ đông sáng lập</p>	<p>5.2.2 Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông mới, phải ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác.</p> <p>Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các Cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo 03 (ba) số liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ký thông báo. Thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 (hai mươi) ngày làm việc) để Cổ đông có thể đăng ký mua</p> <p>Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p>	<p>5.2.2 Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông mới, phải ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác.</p> <p>Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.</p>
	<p>5.2.3 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành</p>	<p>5.2.3 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần, trái phiếu khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.</p>

<p>Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu</p>	<p>6.2 Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh được ghi nhận đại diện cho một loại cổ phần.</p>	<p>6.2. Chứng chỉ cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty; b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần; c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty; e) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
	<p>6.4 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p> <p>6.4.1 Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;</p> <p>6.4.2 Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>6.4 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>6.4.1 Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>6.4.2 Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>
	<p>6.5 Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	<p>6.5 Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</p>
	<p>6.6 Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p>	<p>6.6 Cổ đông phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ cổ phiếu và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p>
	<p>6.8 Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được</p>	<p>6.8 Công ty có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán</p>

	chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.	và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.
Điều 7: Chuyển nhượng cổ phần	7.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.	7.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. <i>Lưu ý: Không ghi nhận thuật ngữ đã bỏ trong những điều khoản còn lại</i>
	7.3 Cổ phần của Cổ đông chiến lược khi muốn chuyển nhượng cổ phần thì ngoài việc thực hiện theo các qui định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành còn phải tuân theo các điều khoản đã cam kết khi thực hiện việc mua cổ phần của Công ty.	7.3 Cổ đông chiến lược khi muốn chuyển nhượng cổ phần thì ngoài việc thực hiện theo các qui định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành còn phải tuân theo các điều khoản đã cam kết khi thực hiện việc mua cổ phần của Công ty.
	7.5 Trường hợp Cổ đông là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế hợp pháp của họ sẽ được Công ty thừa nhận là người duy nhất kế thừa số cổ phần và các quyền lợi liên quan đến cổ phần của Cổ đông đã chết. Quy định này không có nghĩa là cổ phần thuộc sở hữu của Cổ đông đã chết không còn liên quan về nghĩa vụ tài sản mà Cổ đông đó đã thực hiện	7.5 Trường hợp Cổ đông là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì việc giải quyết số cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông đó sẽ thực hiện theo quy định pháp luật. Để được ghi nhận quyền sở hữu số cổ phần do cổ đông đã chết/bị tuyên bố đã chết để lại, người được thừa kế có nghĩa vụ phải cung cấp và bảo đảm tính có hiệu lực, tính đúng đắn của các hồ sơ pháp lý liên quan đến quyền thừa kế số cổ phần đó cho Công ty. Công ty không có trách nhiệm giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa những người thừa kế hoặc những tổ chức, cá nhân liên quan đến số cổ phần của cổ đông này.
CHƯƠNG IV: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
Điều 10: Quyền hạn của cổ đông	10.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông từ 06 tháng liên tục trở lên có các quyền sau:	10.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:
	10.3.3 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.	10.3.3 Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phổ thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

Điều 11: Nghĩa vụ cổ đông	11.4 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp Cổ đông cung cấp sai địa chỉ thì sẽ phải chịu mọi thiệt hại có từ hoặc liên quan đến việc cung cấp sai địa chỉ;	11.4 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và cập nhật thay đổi trong quá trình nắm giữ cổ phần . Trường hợp Cổ đông cung cấp sai địa chỉ thì sẽ phải chịu mọi thiệt hại có từ hoặc liên quan đến việc cung cấp sai địa chỉ;
		Bổ sung nội dung cụ thể như sau: 11.5 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. 11.6 Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. <i>Lưu ý: Số của các khoản thuộc điều này sẽ cập nhật tương ứng.</i>
Điều 12: Đại hội đồng cổ đông	12.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	12.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết , là cơ quan thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết , nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
	12.2 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp . Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm (đã được kiểm toán) và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.	12.2 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Địa điểm họp được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và trên lãnh thổ Việt Nam . Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm (đã được kiểm toán) và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

	<p>12.3.3 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty hoặc khi thành viên Ban kiểm soát bị giảm quá hai phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm theo tỉ lệ vừa nêu;</p>	<p>12.3.3 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát bị giảm quá một phần ba, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm theo tỉ lệ vừa nêu;</p>
	<p>12.3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình hoặc các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;</p> <p>c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;</p> <p>đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>12.3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp.</p>
<p>Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ</p>	<p>13.1.7 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;</p> <p>13.2.3 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.</p> <p>13.2.2 Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo</p>	<p>13.1.7 Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại</p> <p>13.2.3 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>13.2.2 Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.</p>

<p>đồng</p>	<p>ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>13.2.5 Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p>	<p>13.2.5 Thông qua tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>Bổ sung nội dung cụ thể như sau:</p> <p>13.2.14 Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>13.2.15 Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Điều chỉnh hoặc bổ sung Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;</p> <p><i>Lưu ý: Số của các điểm thuộc điều này sẽ cập nhật tương ứng.</i></p>
<p>Điều 15: Thay đổi các quyền</p>	<p>15.1 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 13.2 Điều 13 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ tối thiểu từ 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p> <p>15.2 Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</p> <p>15.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện theo</p>	<p>15.1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p><i>Lưu ý: Số của các khoản thuộc điều này sẽ cập nhật tương ứng.</i></p>

	các quy định tại Điều 17 và Điều 19 Điều lệ này, ngoại trừ các quy định về tỷ lệ biểu quyết và số người tham dự tối thiểu quy định tại Khoản 15.1 và Khoản 15.2 Điều này.	
Điều 16: Triệu tập Đại hội đồng, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16.2.1 Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông và không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	16.2.1 Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
	16.3 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu sau đây: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông. Nội tài, cách thức tải tài liệu phải được ghi rõ	16.3 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: <p>16.3.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>16.3.2 Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>16.3.3 Phiếu biểu quyết;</p> <p>16.3.4 Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>

	<p>trong thông báo mời họp. Nếu Cổ đông có yêu cầu, Công ty phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông đó.</p>	
	<p>16.4 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 10.3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>16.4 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 10.3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>
	<p>16.5.2 Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ tối thiểu từ 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</p>	<p>16.5.2 Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ tối thiểu từ 5% cổ phần phổ thông.</p>
	<p>16.7 Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	<p>Bỏ vì trùng với Khoản 19.4 Điều 19.</p>
<p>Điều kiện tiến hành họp ĐHDCĐ</p>	<p>17.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất từ 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>17.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất từ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>
	<p>17.2 Trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 17.1 Điều này, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</p>	<p>17.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 17.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.</p>
	<p>17.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 17.2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có</p>	<p>17.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 17.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>

	thẻ phê chuẩn.	
Điều 18: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	<p>18.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết số thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ứng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.</p>	<p>18.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết số thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.</p> <p>Đại hội sẽ bầu ra Ban kiểm phiếu theo đề cử của Chủ tọa với số lượng không quá ba (03) thành viên.</p> <p>Sau khi Cổ đông tiến hành biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành thu phiếu biểu quyết. Việc kiểm phiếu phải lập thành biên bản, có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong Ban kiểm phiếu và các thành viên giám sát (nếu có). Các phiếu biểu quyết của cổ đông và Biên bản kiểm phiếu phải được lưu trong tài liệu Đại hội cổ đông đó.</p>
	<p>18.4.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>18.4.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>
		<p>Bổ sung nội dung cụ thể như sau:</p> <p>18.6.3 Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p>

		<p>Bổ sung nội dung cụ thể như sau:</p> <p>18.14 Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật hiện hành.</p>
<p>Điều 19: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp</p>	<p>19.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 19.3 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>19.2 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>19.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 19.3 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ trên 50% trở lên tổng số phiếu của các Cổ đông có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>19.2 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc do hai ứng cử viên đó hiệp thương đạt được kết quả một người rút lui, trường hợp này phải có xác nhận bằng văn bản của người rút lui gửi Ban kiểm phiếu.</p>
	<p>19.3 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty sẽ chỉ được thông qua khi có</p>	<p>19.3 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty sẽ chỉ được thông qua khi có</p>

	từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận	từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành
Điều 20: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình có liên quan đến dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ được Cổ đông đăng ký.	20.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình có liên quan đến dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ được Cổ đông đăng ký chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
Điều 21: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: 21.1.9 Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	21.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: 21.1.9 Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
Điều 22: Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	22.4 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 10.3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 22.4.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 19.4 Điều 19 của Điều lệ này;	22.4 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 10.3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 22.4.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<p>Điều 23: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>23.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 (năm) đến 11 (mười một) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị được bầu thay thế, bổ sung giữa nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>23.1.1 Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</p> <p>23.1.2 Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát;</p> <p>23.1.3 Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;</p> <p>23.1.4 Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong 02 (hai) năm gần nhất.</p> <p>23.2.2 Là Cổ đông cá nhân sở hữu tối thiểu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty; hoặc là cá nhân có trình độ chuyên môn, khả năng, kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; hoặc được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục trở lên đề cử.</p>	<p>23.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 (năm) đến 11 (mười một) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị được bầu thay thế, bổ sung giữa nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>23.2.2 Là Cổ đông cá nhân sở hữu tối thiểu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty; hoặc là cá nhân có trình độ chuyên môn, khả năng, kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; hoặc được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đề cử.</p>
---	---	---

<p>23.3.1 Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu tối thiểu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết từ 06 (sáu) tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Cổ đông sở hữu dưới 05% số cổ phần có quyền biểu quyết từ 06 (sáu) tháng liên tục trở lên có quyền gộp số biểu quyết lại với nhau để đủ điều kiện đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>23.3.1 Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu tối thiểu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Cổ đông sở hữu dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số biểu quyết lại với nhau để đủ điều kiện đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>
	<p>Bổ sung nội dung cụ thể như sau:</p> <p>23.3.3 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
<p>23.5.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty trước 60 (sáu mươi) ngày;</p>	<p>23.5.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;</p>
	<p>Bổ sung nội dung cụ thể như sau:</p> <p>23.5.8 Các trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng tiêu chuẩn về tính độc lập.</p>

	<p>23.6 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực và ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</p> <p>Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	<p>Bỏ.</p>
	<p>23.7 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.</p>	<p>23.6 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 24: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>24.3.1 Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn và hàng năm của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>24.3.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p>
	<p>24.3.11 Trình báo cáo tài chính hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>24.3.11 Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho Đại hội đồng cổ đông;</p>
	<p>24.4.3 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p>	<p>Bỏ.</p> <p><i>Lưu ý: Số điểm của khoản này sẽ được cập nhật tương ứng.</i></p>
	<p>24.4.4 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm 13.2.11 khoản 2 Điều 13, khoản 4 Điều 32 của Điều lệ này;</p>	<p>24.4.3 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty hoặc bên thứ ba và hợp đồng khác, có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm 13.2.11 khoản 2 Điều 13, khoản 4 Điều 32 của Điều lệ này;</p>
	<p>24.5 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành, các Cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc đề cử đại</p>	<p>24.5 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, hoặc đề cử đại diện phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác trong năm tài</p>

	diện phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
	24.6 Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	24.6 Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Hội đồng quản trị.
Điều 25: Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	25.1 Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và có thể bầu thêm một Phó Chủ tịch nếu xét thấy cần thiết.	25.1 Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và có thể bầu thêm Phó Chủ tịch nếu xét thấy cần thiết. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
	25.3.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.	Bỏ.
	25.4 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.	25.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
Điều 26: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	26.3 Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: 26.3.1 Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý; 26.3.2 Hai thành viên Hội đồng quản trị; 26.3.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị; 26.3.4 Đa số thành viên Ban kiểm soát	26.3 Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: 26.3.1 Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý; 26.3.2 Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị ; 26.3.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị; 26.3.4 Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
	26.4 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 26.3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì	26.4 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 26.3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo

<p>Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 26.3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 26.3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>
<p>26.7 Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>26.7 Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>
<p>26.13 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>26.13.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>26.13.2 Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là</p>	<p>26.13 Họp trên điện thoại hoặc trực tuyến hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>26.13.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>26.13.2 Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc trực tuyến hoặc các hình thức khác. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại</p>

<p>địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại hoặc nếu không có một nhóm như vậy là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này</p>	<p>cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại hoặc nếu không có một nhóm như vậy là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc trực tuyến hoặc các hình thức khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>
<p>26.14 Ngoài các thể thức họp trực tiếp, họp trên điện thoại, các hình thức khác hay nghị quyết bằng văn bản, Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định sau đây</p>	<p>26.14 Ngoài các thể thức họp trực tiếp, họp trên điện thoại, trực tuyến, các hình thức khác hay nghị quyết bằng văn bản, Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định sau đây</p>
<p>26.14.6 Hội đồng quản trị phân công tổ kiểm phiếu để tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Trưởng Ban kiểm soát.</p>	<p>26.14.6 Hội đồng quản trị phân công tổ kiểm phiếu để tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát theo phân công của Ban kiểm soát.</p>
<p>26.14.7 Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Số thành viên Hội đồng quản trị, số phiếu lấy ý kiến, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và ý kiến khác đối với từng vấn đề; - Các quyết định đã được thông qua; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổ kiểm phiếu và của Trưởng Ban kiểm soát. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên tổ kiểm phiếu và Trưởng Ban kiểm soát phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. 	<p>26.14.7 Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Số thành viên Hội đồng quản trị, số phiếu lấy ý kiến, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và ý kiến khác đối với từng vấn đề; - Các quyết định đã được thông qua; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổ kiểm phiếu và của đại diện Ban kiểm soát. <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên tổ kiểm phiếu và đại diện Ban kiểm soát phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>
<p>26.16.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập</p>	<p>26.16.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải</p>

	bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:	lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:
--	---	---

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29: Bổ nhiệm, miễn nhiệm và trách nhiệm, quyền hạn của TGD	<p>29.1 Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>29.1 Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng</p>
Điều 30: Người phụ trách quản trị Công ty	<p>Điều 30. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty kiêm nhiệm làm Người phụ trách quản trị Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>30.1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.</p> <p>30.2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</p> <p>30.3. Tham dự các cuộc họp.</p> <p>30.4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.</p> <p>30.5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>30.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một hoặc nhiều người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p> <p>30.2 Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>30.3 Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>30.3.1 Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>30.3.2 Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>30.3.3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>30.3.4 Tham dự các cuộc họp;</p> <p>30.3.5 Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>30.3.5 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban</p>

	<p>30.6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.</p>	<p>kiểm soát;</p> <p>30.3.6 Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>30.3.7 Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>30.3.8 Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p>
--	---	---

CHƯƠNG IX: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

<p>Điều 33: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	<p>33.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Cán bộ quản lý thực hiện nghĩa vụ của mình một cách không trung thực, thiếu sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>33.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý thực hiện nghĩa vụ của mình một cách không trung thực, thiếu sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>
	<p>33.2.1 Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó (i) đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, nhân viên; hoặc là (ii) đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền; hoặc (iii) người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, nhân viên đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác;</p>	<p>33.2.1 Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó (i) đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Cán bộ quản lý, nhân viên; hoặc là (ii) đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền; hoặc (iii) người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Cán bộ quản lý, nhân viên đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác;</p>
	<p>33.3 Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty:</p> <p>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 (sáu) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đề trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>33.3 Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty:</p> <p>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:</p>

<p>Điều 34: Thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>34.1.1 Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty;</p> <p>e) Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>f) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty</p> <p>g) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>h) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền kề trước đó.</p> <p>i) Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p>34.1.1 Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;</p> <p>d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</p> <p>e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>f) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền kề trước đó.</p>
	<p>34.1.2 Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>34.1.2 Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>
	<p>34.2.1 Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu tối thiểu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết từ 06 tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>34.2.1 Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu tối thiểu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền ứng cử hoặc đề cử thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông sở hữu dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết tổ quyền gộp số</p>

<p>Cổ đông sở hữu dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết từ 06 tháng liên tục trở lên có quyền gộp số biểu quyết lại với nhau để đủ điều kiện đề cử thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>biểu quyết lại với nhau để đủ điều kiện đề cử thành viên Ban kiểm soát.</p>
	<p>Bổ sung nội dung cụ thể như sau:</p> <p>34.3 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế Công ty quy định. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p><i>Lưu ý: Số của các khoản điều này được cập nhật tương ứng.</i></p>
<p>34.4.2 Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và cho Trưởng Ban kiểm soát trước 60 (sáu mươi) ngày.</p>	<p>34.4.2 Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;</p>
<p>34.5.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>34.5.2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.</p> <p>34.5.3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>34.5.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>34.5.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.</p> <p>24.5.6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong</p>	<p>34.5.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>34.5.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.</p> <p>34.5.3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>34.5.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>34.5.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.</p> <p>34.5.6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến</p>

	<p>thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</p>
<p>Điều 35: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p>	<p>35.1 Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>35.1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p> <p>35.1.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>35.1.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>35.1.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p> <p>35.1.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ Công ty.</p> <p>35.1.6 Khi có yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề yêu cầu được kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông, hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu.</p> <p>35.1.7 Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn</p>	<p>35.1 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>35.1.1 Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>35.1.2 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>35.1.3 Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>35.1.4 Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.</p> <p>35.1.5 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>35.1.6 Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>35.1.7 Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán.</p> <p>35.1.8 Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>35.1.9 Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị,</p>

<p>điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>35.1.8 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>35.1.9 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điểm 12.3.5 Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục.</p> <p>35.1.10 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p> <p>35.1.11 Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>35.1.12 Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>35.1.13 Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>35.1.14 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>35.1.15 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>35.1.10 Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>35.1.11 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>35.1.12 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>35.4 Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>35.4 Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của</p>

Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	36.1 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua Luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra về danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía Luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	36.1 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền trực tiếp hoặc qua Luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra về danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía Luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
---	--	---

CHƯƠNG XIII: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 38: Cổ tức	38.2 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức	38.2 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng Quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thực hiện chi trả cổ tức theo quy định pháp luật hiện hành.
------------------------	--	---

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40: Quỹ dự trữ và bổ sung Vốn điều lệ	Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản nộp vào quỹ dự trữ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và chỉ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% Vốn điều lệ Công ty.	Hàng năm, Công ty có thể trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản nộp vào quỹ dự trữ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và chỉ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% Vốn điều lệ Công ty.
---	---	---

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43: Báo cáo hàng năm, sáu tháng	43.2 Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty	43.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
---	--	---

và hàng quý	cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty còn phải bao gồm báo cáo thường niên, bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.	
	43.3 Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán/Sở Giao dịch Chứng khoán.	43.3 Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
	43.4 Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương hoặc tạp chí kinh doanh trong vòng 03 (ba) số liên tiếp. Báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.	43.4 Báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
Điều 44: Công bố thông tin và báo ra công chúng	Các báo cáo tài chính và các tài liệu khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	Các báo cáo tài chính và các tài liệu khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY		
Điều 45: Kiểm toán	45.1 Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm, một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.	45.1 Tại cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể lựa chọn một hoặc danh sách các công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện và quyết định việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
	45.5 Kiểm toán viên sẽ được phép tham dự Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	45.5 Trong trường hợp được Hội đồng Quản trị mời, Kiểm toán viên sẽ được phép tham dự Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan

đền kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 46: Con dấu	46.1 Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và Hội đồng quản trị có thể xác định nội dung của con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.	46.1 Hội đồng quản trị sẽ thông qua hình thức và số lượng con dấu chính thức của Công ty và Hội đồng quản trị có thể xác định nội dung của con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
Điều 49: Gia hạn hoạt động	49.1 Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc Thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 49.2 Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 65% cổ phiếu có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc qua ủy quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.	Bỏ.
Điều 52: Ngày hiệu lực	Bản Điều lệ này gồm XXI Chương 52 Điều, được thông qua lần đầu hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2004 tổ chức vào ngày 08 tháng 10 năm 2004, được sửa đổi lần thứ 10 ngày 09 tháng 11 năm 2020 theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Bản Điều lệ này gồm XXI Chương 52 Điều, được thông qua lần đầu hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2004 tổ chức vào ngày 08 tháng 10 năm 2004, được sửa đổi lần thứ 11 ngày ... tháng năm 2021 theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
		Cập nhật số thứ tự của các điều, khoản, điểm trong toàn văn của Điều lệ sau khi đã sửa đổi, bổ sung.